



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT

HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

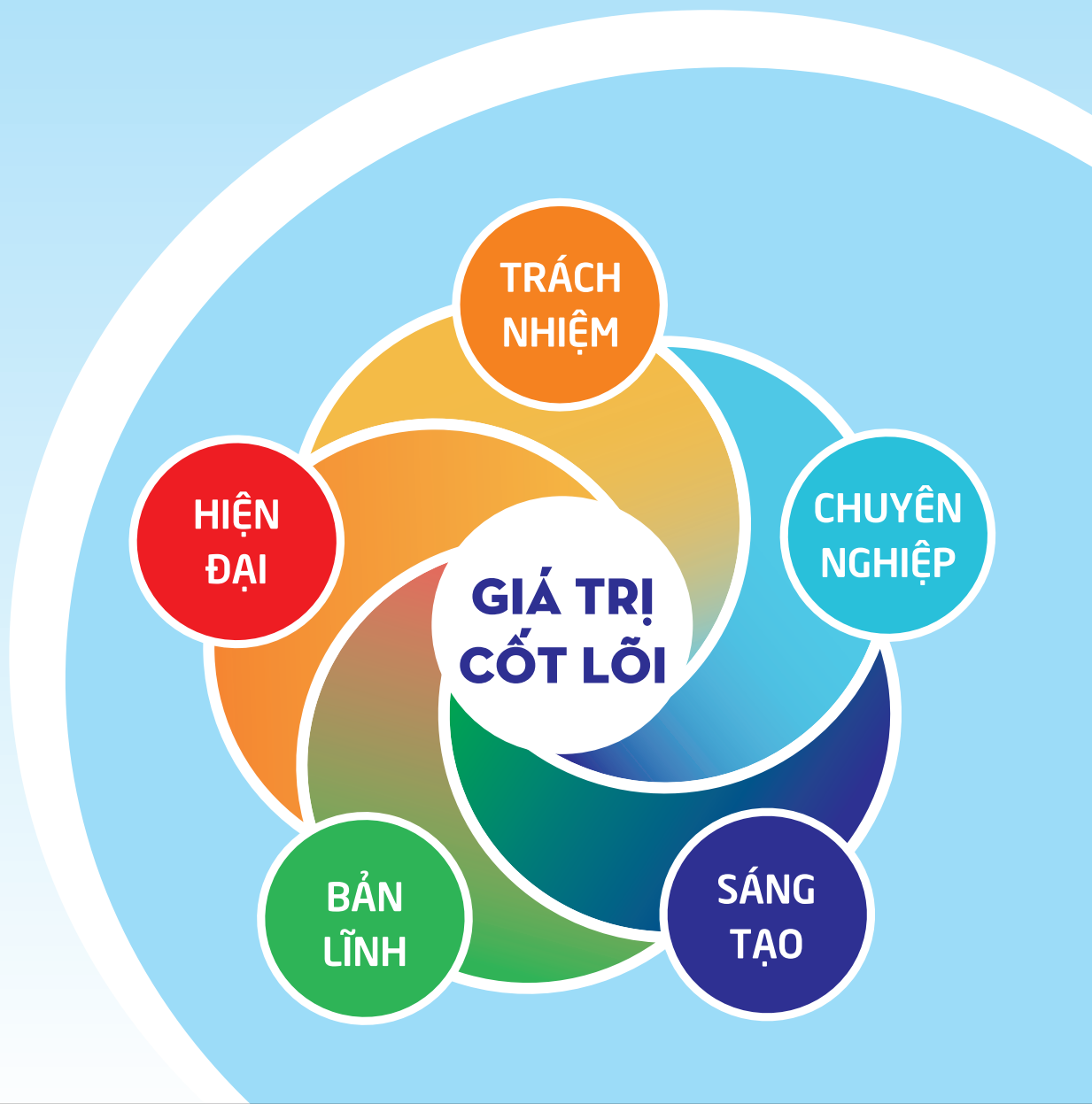
01₍₁₉₎
2025

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



TẠP CHÍ KHOA HỌC

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

p-ISSN 3030-4288

SỐ 01 (19) 2025

THÁNG 2 + 4/2025

Tòa soạn: 324 Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát

(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

PGS.TS. Vũ Tình

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm

In tại Công ty TNHH Thiết Kế Ấn

Phạm Hiến (57 Đường 35,

P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ

MỤC LỤC

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

Nhận diện và đấu tranh với thông tin sai lệch trong tiến trình
tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay**5**

TS. Trần Thị Hà Văn, ThS. Tạ Châu Phú

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí - nhiệm vụ chính trị cấp
thiết cần làm ngay **17**

TS. Trần Tuấn Duy

Phát huy bản sắc ngoại giao “cây tre Việt Nam” góp phần xây
dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay**25**

TS. Nguyễn Minh Nhựt

Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã
hội - giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới bền vững**33**

ThS. Võ Châu Loan

Phát huy di sản không gian văn hóa công chiến Tây Nguyên
trong hoạt động du lịch**47**

TS. Hoàng Văn Tú

Vận dụng phương pháp luận về xây dựng đạo đức cách mạng
trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” vào xây dựng phong cách
người giảng viên trường chính trị chuẩn mức 2 tại Học viện Cán
bộ Thành phố Hồ Chí Minh**59**

TS. Đinh Văn Trọng, CN. Hồ Trương Nhật Trúc

Phát triển khu công nghệ cao ở Thành phố Đà Nẵng - thực trạng
và giải pháp**71**

TS. Trần Thanh Long, TS. Lê Thị Kim Huệ

Một số vấn đề lý luận về phát triển năng lực tự học cho sinh viên
đại học**80**

ThS. Ngô Thị Thu Hiền

Phát triển nguồn nhân lực giỏi ngoại ngữ cho Thành phố Hồ Chí
Minh trong kỷ nguyên mới**93**

ThS. Tạ Châu Phú

Những yếu tố cốt lõi để Việt Nam phát triển bền vững trong
tương lai**106**

ThS. Ngô Đức Hồng, ThS. Đinh Hoài Phúc

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật
đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hiện nay ... **115**

ThS. Hồ Diệu Huyền

Kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện vai trò của phụ nữ trong
gia đình và cộng đồng tại Nhật Bản và hàm ý chính sách đối với
Việt Nam **126**

SCIENTIFIC JOURNAL OF HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT

p-ISSN 3030-4288

Head office: 324 Chu Van An St., W.12,
Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City
Tel: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

No.01 (19) 2025

FEBRUARY + APRIL/2025

Editor - In - Chief

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Editorial Council

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Tan Phat
(Chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y
(Vice chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Duy Bac
Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tuan

Assoc.Prof.PhD. Vu Tinh

Assoc.Prof. PhD. Vu Thanh Son

Assoc.Prof. PhD. Truong Thi Hien

Assoc.Prof.PhD. Tran Hoang Ngan

PhD. Bui Thi Ngoc Trang

PhD. Bui Ngoc Hien

PhD. Phan Hai Ho

PhD. Tran Thi Ha Van

PhD. Le Thi Hong Ha

PhD. Pham Ngoc Loi

PhD. Tran Tuan Duy

PhD. Le Thi Truc Anh

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Issue license

No 551/GP - BTTTT, issued
on 26 November 2020

by Ministry of Information and Media

Printed at:

Pham Hien Printing Design Co., Ltd
(57 street 35, ward Binh Trung Tay,
Thu Duc city)

Price: 150.000 VND

CONTENTS

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y

Identifying and combating distorted information in the process
of streamlining the political system of Vietnam today**5**

PhD. Tran Thi Ha Van, MA. Ta Chau Phu

Practising economy and combating waste - urgent political
tasks that need to be done forthwith**17**

PhD. Tran Tuan Duy

Promoting the identity of Vietnam's "Bamboo diplomacy" in
order to contribute to the cause of building and protecting the
country today**25**

PhD. Nguyen Minh Nhut

Strengthening the implementation of gender integration in
social welfare policies - solutions to promoting sustainable
gender equality**33**

MA. Vo Chau Loan

Promoting the heritage of central highlands gong-culture
space in tourism activities**47**

PhD. Hoang Van Tu

Applying the methodology on shaping revolutionary morality
in the work "Modifying working style" to building the
lecturers' manners at standard level 2 Ho Chi Minh City Cadre
Academy**59**

PhD. Dinh Van Trong, Ho Truong Nhat Truc

Developing the high-tech park in Da Nang City - current
situation and solutions**71**

PhD. Tran Thanh Long, PhD. Le Thi Kim Hue

Some theoretical issues on developing self-learning ability for
university students**80**

MA. Ngo Thi Thu Hien

Developing human resources with proficiency in foreign
languages for Ho Chi Minh City in the new era**93**

MA. Ta Chau Phu

The core factors for Vietnam's sustainable development in the
future**106**

MA. Ngo Duc Hong, MA. Dinh Hoai Phuc

Preserving and promoting the value of the intangible cultural
heritage of Southern Vietnamese Amateur Music in Bac Lieu
province today**115**

MA. Ho Dieu Huyen

Experiences from Practical Implementation of Women's Roles
in the Family and Community in Japan and Policy Implications
for Vietnam**126**

TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI - GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI BỀN VỮNG

Ngày nhận bài: 06/11/2024; ngày nhận lại bài: 03/12/2024; ngày duyệt đăng: 25/02/2025

NGUYỄN MINH NHỰT^(*)

TÓM TẮT

Dù đã đạt được những tiến bộ trong bình đẳng giới, phụ nữ và nhóm yếu thế vẫn gặp nhiều thách thức trong việc tiếp cận quyền lợi và cơ hội. Chính sách an sinh xã hội, với các chương trình bảo vệ và nâng cao phúc lợi, đóng vai trò quan trọng trong xây dựng xã hội công bằng. Bài viết phân tích thực trạng lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ ra rằng việc thực hiện chưa hiệu quả và cần cải tiến để đáp ứng nhu cầu của cả hai giới. Lồng ghép giới không chỉ giúp các chương trình phù hợp hơn mà còn thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế và xã hội. Để đạt được bình đẳng giới bền vững, bài viết đề xuất các giải pháp như thực hiện phân tích giới trong xây dựng chính sách, tăng cường giáo dục và đào tạo, cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em, và nâng cao quyền lực kinh tế cho phụ nữ; góp phần xây dựng môi trường bình đẳng, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và hưởng lợi từ chính sách an sinh xã hội công bằng và hiệu quả.

Từ khóa: lồng ghép giới, chính sách an sinh xã hội, bình đẳng giới, bền vững.

ABSTRACT

This article focuses on gender integration in social welfare policies as a solution to promoting sustainable gender equality. Despite progress in gender equality, women and vulnerable groups still face overwhelming challenges in accessing their rights and opportunities. Social welfare policies, with programs aiming at welfare protection and enhancement, play a crucial role in building a fair society.

The article, which analyzes the current situation of gender integration in social welfare policies in Ho Chi Minh City, underscores that the implementation remains ineffective and requires improvements to meet the needs of both genders. Not only does gender integration make programs more tailored but it also encourages women's participation in economic and social activities.

To achieve sustainable gender equality, the article proposes solutions such as conducting gender analysis in policymaking, strengthening education and training,

^(*) Tiến sĩ, Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhut227@gmail.com

providing childcare services, and boosting women's economic empowerment. Through these measures, the article aims to contribute to creating an equitable environment where all individuals have equal opportunities to develop and benefit from fair and effective social welfare policies.

Keywords: *gender integration, social welfare policies, gender equality, sustainability.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bình đẳng giới không chỉ là một mục tiêu phát triển bền vững mà còn là một quyền cơ bản của con người. Theo báo cáo của Liên hợp quốc, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, nhưng vẫn còn nhiều thách thức tồn tại, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Phụ nữ và các nhóm dân tộc thiểu số thường phải đối mặt với các hình thức phân biệt đối xử và bất bình đẳng trong các lĩnh vực như giáo dục, việc làm và tiếp cận dịch vụ y tế. Các số liệu cho thấy, phụ nữ vẫn phải làm việc nhiều hơn, nhận lương thấp hơn và gặp khó khăn trong việc tiếp cận các cơ hội phát triển nghề nghiệp so với nam giới (UN Women, 2021).

Chính sách an sinh xã hội, được hiểu là một hệ thống các chương trình và dịch vụ nhằm bảo vệ và nâng cao phúc lợi cho các cá nhân, gia đình trong xã hội; đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng. Các chương trình an sinh xã hội giúp giảm thiểu tác động của nghèo đói, tạo ra cơ hội cho phụ nữ và các nhóm yếu thế tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, việc lồng ghép giới vào các chính sách an sinh xã hội vẫn chưa được thực hiện một cách hiệu quả, dẫn đến sự thiếu hụt trong việc đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của cả nam và nữ.

Việc lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội không chỉ giúp bảo đảm rằng các chương trình và dịch vụ phù hợp với nhu cầu của cả hai giới mà còn thúc đẩy bình đẳng giới bền vững. Điều này bao gồm việc phát triển các chương trình chăm sóc trẻ em, hỗ trợ tài chính cho phụ nữ và cung cấp dịch vụ y tế toàn diện. Để đạt được điều này, cần có những chiến lược cụ thể và sự tham gia tích cực của các bên liên quan, từ chính phủ cho đến các tổ chức xã hội, cộng đồng.

Với những lý do trên, bài viết tập trung vào vấn đề tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội như một giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới bền vững. Qua đó, phân tích thực trạng lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các chính sách này. Thông qua việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp thực hiện, bài viết góp phần vào nỗ lực chung của xã hội trong việc xây dựng một môi trường bình đẳng, nơi mọi cá nhân, bất kể giới tính, đều có cơ hội phát triển, thụ hưởng các dịch vụ an sinh xã hội đầy đủ và công bằng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp khảo sát thực tiễn, phương pháp so sánh để đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn. Thu thập, phân tích các văn bản pháp luật, nghị quyết, quyết định, và các báo cáo từ Chính phủ, các bộ, ngành liên quan đến chính sách an sinh xã hội có lồng ghép giới. Tham khảo các nghị quyết, quyết định, và báo cáo của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh, thành phố khác ở Nam Bộ. Tổng hợp tài liệu từ các tổ chức quốc tế (UN Women, UNDP, ILO) liên quan đến các hướng dẫn và kinh nghiệm về lồng ghép giới trong chính sách công để xem xét các quy định pháp lý về bình đẳng giới trong chính sách an sinh xã hội; đánh giá mức độ tích hợp yếu tố giới trong các chính sách đã được ban hành, từ khâu hoạch định đến triển khai (thực hiện phỏng vấn sâu với các cán bộ quản lý, nhà hoạch định chính sách, và cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác); so sánh mức độ hiệu quả của việc lồng ghép giới trong xây dựng và thực thi chính sách an sinh xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Các khái niệm liên quan

Lồng ghép giới là quá trình tích hợp các quan điểm và phân tích về giới vào các chính sách, chương trình, và hành động (UN Women, 2021). Mục tiêu của lồng ghép giới là để đảm bảo rằng cả nam và nữ đều được hưởng lợi từ các quyết định chính sách và không ai bị bỏ lại phía sau do giới tính của họ.

Chính sách an sinh xã hội là tập hợp các chương trình, dịch vụ do nhà nước hoặc tổ chức phi chính phủ cung cấp nhằm bảo vệ và nâng cao phúc lợi của công dân, đặc biệt là những người thuộc nhóm yếu thế trong xã hội (GSO, 2021).

Bình đẳng giới bền vững là trạng thái mà trong đó nam và nữ có quyền, cơ hội ngang nhau trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, bao gồm chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều này không chỉ đạt được mà còn duy trì qua các thế hệ (UN Women, 2019)

Ba khái niệm này liên kết chặt chẽ với nhau, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một xã hội công bằng, bền vững và phát triển. Lồng ghép giới trong các chính sách an sinh xã hội là một bước đi quan trọng hướng tới bình đẳng giới bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội tổng thể.

3.1.2. Các mô hình lý thuyết về bình đẳng giới và an sinh xã hội

Các mô hình lý thuyết về bình đẳng giới và an sinh xã hội cung cấp cơ sở để phân tích, thiết kế các chính sách lồng ghép giới một cách khoa học và hiệu quả. Tại Việt Nam, áp dụng các mô hình này có thể giúp cải thiện hệ thống an sinh xã hội, tăng cường quyền lực của phụ nữ và hỗ trợ các nhóm yếu thế trong việc tiếp cận các dịch vụ công bằng, toàn diện.

Mô hình lý thuyết về Công bằng xã hội (Theory of Social Justice)

Theo UNDP (2021), mô hình công bằng xã hội, được phát triển bởi các nhà lý luận như John Rawls, nhấn mạnh việc xây dựng các chính sách để đảm bảo quyền lợi công bằng cho tất cả cá nhân, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Theo lý thuyết này, các chính sách an sinh xã hội cần phải chú ý đến công bằng trong phân phối tài nguyên và cơ hội nhằm giảm bớt sự bất bình đẳng xã hội, kinh tế.

Trong bối cảnh bất bình đẳng giới, lý thuyết này khuyến khích việc áp dụng các chương trình an sinh xã hội lồng ghép giới nhằm hỗ trợ các nhóm bị thiệt thòi do bất bình đẳng giới. Mục tiêu của lý thuyết công bằng xã hội là đảm bảo rằng phụ nữ, trẻ em gái và các nhóm yếu thế khác không bị loại trừ khỏi các dịch vụ an sinh xã hội cơ bản, các cơ hội phát triển.

Tại Việt Nam, mô hình này có thể được áp dụng để thiết kế các chính sách trợ cấp xã hội và y tế, đặc biệt là cho phụ nữ, trẻ em ở khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Theo lý thuyết công bằng xã hội, cần ưu tiên phân bổ nguồn lực để các nhóm yếu thế tiếp cận với các dịch vụ xã hội thiết yếu, như bảo hiểm y tế miễn phí và hỗ trợ giáo dục.

Mô hình này nhấn mạnh rằng, các chính sách cần dựa trên nguyên tắc công bằng, không chỉ chú trọng đến bình đẳng về quyền lợi mà còn quan tâm đến nhu cầu của từng nhóm xã hội. Tuy nhiên, thực tế thực hiện công bằng xã hội gặp nhiều thách thức vì nguồn lực giới hạn và trở ngại trong giám sát việc thực thi, đặc biệt tại các vùng khó khăn.

Mô hình Tài chính gia đình (Household Economy Model)

Mô hình tài chính gia đình tập trung phân tích vai trò của giới trong các hoạt động kinh tế và cách các nguồn lực được phân bổ trong gia đình. Theo lý thuyết này, bất bình đẳng giới trong gia đình và xã hội thường ảnh hưởng đến quyền lực kinh tế, sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động (Moser, 1993). Các chính sách an sinh xã hội lồng ghép giới như bảo hiểm y tế, hỗ trợ thu nhập cho các hộ gia đình có phụ nữ làm chủ là cần thiết, để giảm bớt áp lực kinh tế, giúp phụ nữ có cơ hội tự chủ (Chant, 2003).

Mô hình này cũng chỉ ra rằng, an sinh xã hội cần được thiết kế để tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào hoạt động kinh tế một cách bình đẳng nhằm gia tăng quyền lực kinh tế và khả năng tự quyết trong gia đình (UN Women, 2020). Mô hình tài chính gia đình có thể hỗ trợ cho việc phát triển các chương trình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế dành riêng cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ đơn thân hoặc phụ nữ thuộc nhóm lao động phi chính thức. Các chính sách này có thể bao gồm trợ cấp tài chính, hỗ trợ học phí cho con và bảo hiểm thất nghiệp nhằm giảm bớt gánh nặng kinh tế cho phụ nữ (Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Thu Hương, 2020).

Mô hình tài chính gia đình nhấn mạnh rằng các chính sách cần chú trọng đến sự bình đẳng trong gia đình, qua đó tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia vào các quyết định tài chính và kinh tế. Tuy nhiên, mô hình này gặp hạn chế khi các định kiến xã hội vẫn còn tồn

tại, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn (Kabeer, 1999).

Mô hình Quyền lực và quyền lợi (Empowerment and Rights Model)

Mô hình này tập trung vào việc nâng cao quyền lực của phụ nữ thông qua các chương trình an sinh xã hội nhằm cung cấp cho họ quyền tiếp cận với các nguồn lực và dịch vụ thiết yếu. Lý thuyết về quyền lực và quyền lợi khẳng định rằng các chính sách an sinh xã hội không chỉ cần cung cấp hỗ trợ tài chính, mà còn giúp phụ nữ có cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội và chính trị (World Bank, 2012).

Lý thuyết này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ thông qua các chương trình bảo vệ quyền lợi lao động, bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế và hỗ trợ phát triển kỹ năng (Sørensen, 2000). Việc tăng cường quyền lực của phụ nữ sẽ giúp họ có khả năng tự bảo vệ quyền lợi của mình và tham gia vào các quyết định quan trọng trong cộng đồng (UN Women, 2020).

Mô hình quyền lực và quyền lợi có thể được áp dụng để xây dựng các chương trình đào tạo nghề cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ thuộc các nhóm yếu thế như lao động phi chính thức và phụ nữ dân tộc thiểu số (Phạm Thị Hoa, 2020). Ngoài ra, mô hình này còn có thể hỗ trợ cho các chính sách khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào các cơ quan hoạch định chính sách và quản lý các chương trình an sinh xã hội (Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Thu Hương, 2020).

Mô hình này giúp tăng cường quyền lực cho phụ nữ, nhưng cần có sự đồng thuận, hỗ trợ của cộng đồng và gia đình để đạt được hiệu quả. Ở Việt Nam, sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và hoạch định chính sách vẫn còn hạn chế, do đó cần có sự khuyến khích và hỗ trợ từ các chính sách (Kabeer, 1999).

Mô hình An sinh xã hội toàn diện và bao trùm (Inclusive Social Welfare Model)

Theo WHO (2020) và UNDP (2021), mô hình an sinh xã hội toàn diện và bao trùm nhấn mạnh rằng các chương trình an sinh xã hội cần đảm bảo mọi thành viên xã hội đều được hưởng lợi mà không phân biệt giới tính. Theo mô hình này, các chính sách an sinh xã hội cần tập trung mở rộng mạng lưới bảo trợ xã hội để hỗ trợ người dân, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn.

Đối với bình đẳng giới, mô hình này khuyến khích việc cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội phổ quát như bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội cho mọi người, đồng thời đảm bảo rằng phụ nữ và trẻ em gái có thể tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội một cách bình đẳng và an toàn.

Mô hình này có thể hỗ trợ cho việc xây dựng các chính sách an sinh xã hội toàn diện, đảm bảo các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ, có thể được hưởng lợi từ các chương trình bảo trợ xã hội và bảo hiểm y tế. Tại Việt Nam, mô hình này hỗ trợ việc mở rộng mạng lưới bảo trợ xã hội, đặc biệt là các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa.

Mô hình toàn diện và bao trùm giúp giảm bớt tình trạng loại trừ và bất bình đẳng giới trong tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện mô hình này đòi hỏi

nguồn tài chính và nhân lực lớn, nên khó có thể thực hiện đồng đều trên toàn quốc.

3.2 Thực trạng lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội

3.2.1. Những thành tựu và chính sách đã triển khai

Chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam đã có nhiều cải tiến, đặc biệt là mở rộng phạm vi tiếp cận của bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và trợ giúp xã hội. Theo báo cáo của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, tính đến ngày 4/11/2024, toàn quốc có khoảng 19,365 triệu người tham gia BHXH, tăng 11,39% so với cùng kỳ năm 2023 (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2024). Số người tham gia BHTN đạt 14,330 triệu người, chiếm khoảng 31,18% lực lượng lao động trong độ tuổi, vượt kế hoạch 0,18% và tăng 6,98% so với năm 2021 (Quốc hội, 2024). Tuy nhiên, phụ nữ trong khu vực phi chính thức vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia vào các chương trình này, do thiếu tiếp cận thông tin và nguồn lực hỗ trợ.

Ngoài ra, việc triển khai Nghị định 20/2021/NĐ-CP về trợ giúp xã hội đã cải thiện mức độ tiếp cận của phụ nữ và trẻ em gái trong các nhóm yếu thế. Mặc dù vậy, theo UNICEF Việt Nam (2024), các chương trình này chưa bao phủ toàn diện, vẫn còn sự chênh lệch giữa các vùng miền và các nhóm đối tượng đặc thù. Trong thời gian qua, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp lý có nội dung lồng ghép giới trong các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục và lao động. Nổi bật là Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2024, trong đó có các điều khoản quy định đảm bảo quyền lợi cho nữ giới, như bảo hiểm y tế cho phụ nữ nghèo, trợ cấp thai sản và ưu đãi cho phụ nữ thuộc diện chính sách. Một số chương trình cụ thể đã được triển khai nhằm hỗ trợ phụ nữ và các nhóm yếu thế như: (1) Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, với các mục tiêu cụ thể nhằm giảm thiểu bất bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ an sinh xã hội; (2) Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo đã tích hợp các yếu tố giới, đặc biệt trong hỗ trợ tài chính và đào tạo nghề cho phụ nữ thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và lao động phi chính thức; (3) Các chương trình bảo trợ xã hội có tính lồng ghép giới, như hỗ trợ tiền mặt và bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo do phụ nữ làm chủ, chương trình hỗ trợ giáo dục cho trẻ em là con của phụ nữ đơn thân.

Những chính sách này đã giúp nhiều phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn cải thiện đời sống và tạo cơ hội tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội. Theo Báo cáo của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (2022), tỷ lệ nữ giới tham gia bảo hiểm xã hội đã tăng đáng kể và nhiều phụ nữ thuộc các nhóm yếu thế đã được tiếp cận với dịch vụ y tế miễn phí và trợ cấp giáo dục cho con cái.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, các chính sách an sinh xã hội đã đạt được một số thành tựu trong việc hỗ trợ phụ nữ và trẻ em. Báo cáo của Sở Lao động, thương binh và Xã hội Thành phố (2023) cho biết, Thành phố đã hỗ trợ xã hội thường xuyên cho hơn 160.000 người, trong đó phần lớn là phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật. Tuy nhiên, chương

trình hỗ trợ sinh kế và đào tạo nghề dành cho phụ nữ yếu thế còn nhiều hạn chế, chủ yếu do thiếu ngân sách và cơ chế triển khai đồng bộ (Sở LĐ,TB&XH TP.HCM, 2023). Hơn nữa, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp cho phụ nữ tại Thành phố mặc dù có tiến triển nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Các quận nội thành có điều kiện phát triển kinh tế nhận được nguồn hỗ trợ lớn hơn so với các quận, huyện ngoại thành (Nguyễn Văn Đáng, 2021). Điều này dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực, làm giảm hiệu quả của chính sách lồng ghép giới.

3.2.2. Những hạn chế trong thực hiện chính sách lồng ghép giới

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, việc lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội vẫn gặp phải nhiều khó khăn, nhất là trong quá trình triển khai ở cấp địa phương. Các hạn chế chính bao gồm:

- *Thiếu sự đồng bộ và hướng dẫn cụ thể* như việc một số quy định về lồng ghép giới chỉ mang tính chất chung chung, thiếu các hướng dẫn cụ thể cho từng cấp quản lý. Điều này dẫn đến việc thực hiện không đồng đều và thiếu hiệu quả ở các địa phương.

- *Hạn chế về nguồn lực*, nhất là nguồn tài chính và nhân lực dành cho các chính sách lồng ghép giới ở các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa. Các địa phương chưa được cung cấp đủ ngân sách để triển khai các chương trình hỗ trợ riêng cho phụ nữ, đặc biệt là các chương trình liên quan đến y tế và giáo dục.

- *Sự phân biệt đối xử và định kiến giới*, ở nhiều khu vực và quan niệm truyền thống vẫn còn sâu sắc, khiến cho việc thực hiện các chính sách lồng ghép giới gặp nhiều trở ngại. Phụ nữ có xu hướng chịu thiệt thòi hơn nam giới trong việc tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội, nhất là những người thuộc nhóm dân tộc thiểu số.

Do những hạn chế trên, một số phụ nữ, đặc biệt là nhóm yếu thế như phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách an sinh xã hội. Theo nghiên cứu của UNDP (2021), tỷ lệ phụ nữ tiếp cận các chương trình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế vẫn thấp hơn nam giới, và nhiều phụ nữ chưa được hưởng đầy đủ các quyền lợi từ các chương trình an sinh xã hội.

3.2.3. Sự tham gia hạn chế của phụ nữ và các tổ chức xã hội

Việc lồng ghép giới trong các chính sách an sinh xã hội vẫn chưa phát huy được tối đa sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức xã hội trong quá trình hoạch định và giám sát. Mặc dù có các chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, nhưng vai trò của phụ nữ và các tổ chức xã hội về giới chưa được đảm bảo.

- *Thiếu sự tham gia của phụ nữ* khi nhiều chương trình an sinh xã hội được thiết kế mà không có sự tham gia trực tiếp của các nhóm phụ nữ hay các tổ chức đại diện cho quyền lợi của họ. Điều này khiến cho các chính sách thiếu sự phù hợp và không đáp ứng đúng nhu cầu thực tế của phụ nữ.

- *Vai trò mờ nhạt của các tổ chức xã hội*, mặc dù đóng vai trò quan trọng trong việc

giám sát, bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ, nhưng chưa được khuyến khích tham gia tích cực trong quá trình triển khai và giám sát các chính sách an sinh xã hội. Điều này khiến cho các hoạt động giám sát thiếu khách quan và không đáp ứng đủ yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ.

Việc thiếu sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức xã hội trong quá trình hoạch định và giám sát chính sách dẫn đến các chương trình an sinh xã hội thường không đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các nhóm phụ nữ yếu thế. Nghiên cứu của UN Women (2020) cho thấy rằng các chính sách được xây dựng với sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức xã hội về giới thường có hiệu quả cao hơn trong việc đảm bảo quyền lợi và nhu cầu của phụ nữ.

3.2.4. Thiếu hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả về bình đẳng giới

Hệ thống giám sát và đánh giá trong việc lồng ghép giới vào chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam chưa hoàn thiện, gây khó khăn trong việc đo lường và đánh giá hiệu quả của các chính sách.

- *Thiếu các chỉ số đánh giá cụ thể về giới* trong thực tế nhiều chương trình an sinh xã hội để đo lường mức độ hưởng lợi của nam và nữ giới. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan quản lý trong việc xác định hiệu quả của các chính sách lồng ghép giới.

- *Hạn chế trong việc thu thập và phân tích dữ liệu về giới* chưa được thực hiện đầy đủ và nhất quán tại các cấp quản lý, đặc biệt là ở cấp địa phương. Các báo cáo giám sát chủ yếu tập trung vào số lượng hơn là chất lượng, thiếu sự phân tích cụ thể về tác động của các chính sách đối với từng nhóm giới tính.

Hệ thống giám sát và đánh giá không hiệu quả dẫn đến khó khăn trong việc điều chỉnh và cải thiện các chính sách lồng ghép giới, từ đó làm giảm hiệu quả của các chính sách này. Theo UNDP (2021), các chương trình an sinh xã hội có hệ thống giám sát tốt giúp cải thiện hiệu quả thực hiện và đáp ứng được nhu cầu của các nhóm yếu thế.

Thực trạng lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam đã đạt được những tiến bộ nhất định nhưng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Để tăng cường hiệu quả của các chính sách này, cần có sự đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, cũng như các tổ chức xã hội. Ngoài ra, cần đầu tư thêm vào việc đào tạo nhân lực, xây dựng hệ thống giám sát chặt chẽ, và khuyến khích sự tham gia của các nhóm phụ nữ trong quá trình hoạch định chính sách.

3.3. Tác động của lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội đối với bình đẳng giới

3.3.1. Cải thiện cơ hội tiếp cận an sinh xã hội của phụ nữ

Khi giới tính được xem là một yếu tố trong chính sách an sinh xã hội, phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo, dân tộc thiểu số và lao động phi chính thức, có cơ hội tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội. Tại Việt Nam, các chính sách hỗ trợ y tế miễn phí, bảo hiểm y tế và trợ cấp nuôi con dành cho phụ nữ nghèo đã giúp nhiều phụ nữ vượt qua các khó khăn

tài chính và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Chính sách an sinh xã hội lồng ghép giới đã tạo điều kiện để phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, và bảo trợ xã hội, giúp họ giảm phụ thuộc kinh tế vào nam giới và nâng cao sự tự chủ trong cuộc sống. Theo Báo cáo của UN Women (2020), khi phụ nữ có quyền tiếp cận các dịch vụ xã hội tương tự như nam giới, họ có cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội, từ đó tăng cường quyền lực trong gia đình và cộng đồng.

3.3.2. Giảm bất bình đẳng giới trong lao động và thu nhập

Lồng ghép giới trong các chính sách bảo hiểm xã hội và chính sách hỗ trợ lao động nữ đã giúp phụ nữ có điều kiện tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động. Những chính sách này cũng cung cấp các cơ chế hỗ trợ đặc biệt như trợ cấp thai sản, bảo hiểm thất nghiệp và hỗ trợ học nghề cho phụ nữ trong nhóm lao động phi chính thức. Điều này giúp phụ nữ có cơ hội nâng cao kỹ năng, tiếp cận việc làm ổn định và tăng thu nhập.

Chính sách lồng ghép giới giúp thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa nam và nữ, đồng thời giúp phụ nữ có được sự công bằng trong thị trường lao động. Theo Ngân hàng Thế giới (2021), phụ nữ tham gia lao động với mức lương bình đẳng có tác động tích cực đến nền kinh tế tổng thể vì họ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

3.3.3 Tăng cường vai trò, quyền lực của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng

Khi phụ nữ được hưởng lợi từ các chính sách an sinh xã hội, họ có cơ hội tự chủ về tài chính và có khả năng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng. Những chính sách như trợ cấp sinh hoạt, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và giáo dục cho con em của phụ nữ đơn thân, góp phần giảm bớt gánh nặng trên vai họ và nâng cao quyền tự quyết trong cuộc sống.

Phụ nữ được tăng cường quyền lực và vị thế trong gia đình và xã hội, tạo ra ảnh hưởng tích cực đến các thế hệ tương lai. Nghiên cứu của UNDP (2020) chỉ ra rằng khi phụ nữ có quyền kiểm soát tài chính và ra quyết định trong gia đình, con cái họ có khả năng tiếp cận giáo dục và y tế tốt hơn, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và công bằng hơn.

3.3.4. Giảm thiểu nguy cơ rơi vào nghèo đói cho các gia đình do phụ nữ làm chủ

Các gia đình do phụ nữ làm chủ, nhất là phụ nữ đơn thân hoặc phụ nữ nghèo, thường dễ bị tổn thương và có nguy cơ cao rơi vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Những chính sách lồng ghép giới như trợ cấp tài chính, hỗ trợ y tế miễn phí, và học bổng cho trẻ em trong các gia đình khó khăn đã giúp giảm thiểu nguy cơ nghèo đói cho các hộ gia đình này.

Nhờ có chính sách an sinh xã hội lồng ghép giới, phụ nữ có thể ổn định cuộc sống và đầu tư vào tương lai của con cái. Báo cáo của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (2023) cho thấy tỷ lệ nghèo ở các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ đã giảm đáng kể ở các địa phương được hỗ trợ an sinh xã hội hiệu quả, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa và các khu

vực dân tộc thiểu số.

3.3.5. Cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần cho phụ nữ

Những chính sách an sinh xã hội lồng ghép giới như bảo hiểm y tế cho phụ nữ nghèo, chương trình khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em đã giúp phụ nữ có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng cao. Điều này đặc biệt quan trọng đối với phụ nữ ở các khu vực khó khăn, nơi điều kiện y tế còn hạn chế.

Phụ nữ được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe không chỉ cải thiện tình trạng sức khỏe thể chất mà còn giảm bớt căng thẳng, lo lắng về tài chính và tinh thần. Theo Báo cáo của WHO (2019), sức khỏe của phụ nữ được cải thiện không chỉ giúp nâng cao tuổi thọ mà còn ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe của các thành viên khác trong gia đình.

3.3.6. Khuyến khích thay đổi nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ

Khi các chính sách lồng ghép giới trong an sinh xã hội được triển khai rộng rãi, cộng đồng cũng dần nhận ra vai trò của phụ nữ trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, cùng với sự tham gia của phụ nữ trong những chương trình này góp phần thay đổi định kiến về vai trò của phụ nữ.

Việc lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội tạo ra tác động dài hạn đến tư duy và nhận thức xã hội, giúp cộng đồng nhìn nhận đúng đắn hơn về vai trò của phụ nữ. UN Women (2022) chỉ ra rằng ở những quốc gia có sự hỗ trợ mạnh mẽ cho bình đẳng giới, mức độ bạo lực gia đình và định kiến giới giảm đáng kể, giúp phụ nữ có thể phát triển bản thân và tham gia vào quá trình ra quyết định trong gia đình và xã hội.

Lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội không chỉ là một biện pháp hỗ trợ phụ nữ mà còn là một chiến lược phát triển toàn diện cho xã hội. Nó giúp đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ, thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới, cải thiện chất lượng cuộc sống cho các gia đình và tạo ra tác động tích cực đến sự phát triển bền vững. Những tác động này không chỉ dừng lại ở thể hệ hiện tại mà còn ảnh hưởng tích cực đến thế hệ sau, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và phát triển hơn.

3.4. Giải pháp thúc đẩy lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội

3.4.1. Xây dựng và đảm bảo khung pháp lý đồng bộ

Để tăng cường lồng ghép giới, cần có một khung pháp lý đồng bộ và thống nhất về bình đẳng giới, đặc biệt là trong các văn bản quy phạm pháp luật về an sinh xã hội. Hiện tại, một số văn bản quy định về bình đẳng giới đã được ban hành nhưng vẫn chưa đồng bộ giữa các bộ ngành và thiếu các hướng dẫn chi tiết cho từng cấp thực thi.

- Ban hành các thông tư, nghị định bổ sung, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế cần ban hành thêm các văn bản dưới luật để chi tiết hóa và thống nhất yêu cầu lồng ghép giới trong an sinh xã hội.

- Xây dựng tiêu chuẩn đo lường lồng ghép giới, có thể là tỷ lệ nữ tham gia vào các chương trình an sinh, mức độ thụ hưởng của nữ giới so với nam giới. Việc này giúp giám sát và đánh giá hiệu quả của chính sách.

Một khung pháp lý rõ ràng và chi tiết sẽ giúp các cấp quản lý dễ dàng triển khai các biện pháp hỗ trợ đúng đối tượng, đồng thời tạo cơ sở để giám sát và điều chỉnh chính sách kịp thời khi cần thiết.

3.4.2. Tăng cường nguồn lực tài chính và nhân lực

Một trong những thách thức lớn nhất đối với việc triển khai chính sách lồng ghép giới là nguồn lực còn hạn chế. Nhiều chương trình an sinh xã hội hiện tại không đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu của tất cả các nhóm đối tượng, đặc biệt là phụ nữ nghèo và người lao động phi chính thức.

- *Xây dựng quỹ riêng hỗ trợ lồng ghép giới*, tạo ra một quỹ dành riêng cho các chương trình an sinh xã hội tập trung vào phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở vùng sâu vùng xa và phụ nữ thuộc nhóm yếu thế. Quỹ này có thể được tài trợ từ ngân sách nhà nước và sự đóng góp của các tổ chức quốc tế.

- *Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về giới*, các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương cần được đào tạo chuyên sâu về bình đẳng giới. Việc này giúp họ nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của lồng ghép giới và cách triển khai hiệu quả.

Việc đảm bảo đủ nguồn lực sẽ giúp các chương trình an sinh xã hội đạt được quy mô bao phủ rộng khắp, giúp phụ nữ và các nhóm yếu thế khác nhận được sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

3.4.3. Giám sát và đánh giá thường xuyên

Giám sát và đánh giá là công cụ quan trọng để đo lường hiệu quả của việc lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, việc thiếu các chỉ số giám sát cụ thể thường làm cho việc đánh giá chính sách gặp nhiều khó khăn.

- *Xây dựng bộ chỉ số lồng ghép giới*, có thể bao gồm các chỉ tiêu như tỷ lệ nữ giới thụ hưởng dịch vụ an sinh xã hội, mức độ tiếp cận y tế của phụ nữ và mức thu nhập của lao động nữ so với nam giới trong các chương trình hỗ trợ sinh kế.

- *Thiết lập quy trình báo cáo định kỳ*, yêu cầu các địa phương báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội hàng năm. Những báo cáo này sẽ được tổng hợp để điều chỉnh chính sách phù hợp với nhu cầu thực tế.

Quy trình giám sát và đánh giá chặt chẽ giúp xác định sớm các khó khăn trong việc triển khai chính sách, từ đó có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo chính sách phát huy hiệu quả thực sự.

3.4.4. Nâng cao nhận thức cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của xã hội

Tại nhiều khu vực, đặc biệt là vùng nông thôn, rào cản văn hóa và định kiến giới vẫn ảnh hưởng đến việc phụ nữ tham gia các chương trình an sinh xã hội. Nâng cao nhận thức cộng đồng sẽ giúp thay đổi quan niệm cũ và tạo điều kiện để phụ nữ dễ dàng tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

- *Tổ chức các chương trình truyền thông và giáo dục cộng đồng*, thông qua những

chương trình truyền thông tại địa phương, như hội thảo, phát thanh và truyền hình, có thể giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bình đẳng giới.

- *Tăng cường vai trò của tổ chức xã hội*, tổ chức phi chính phủ, đoàn thể, hội phụ nữ và các hội đoàn khác có vai trò quan trọng trong việc lan tỏa thông tin về quyền lợi và cơ hội từ các chính sách an sinh xã hội.

Việc nâng cao nhận thức sẽ giúp phụ nữ và các nhóm yếu thế có thêm động lực và tự tin để tham gia các chương trình hỗ trợ, từ đó cải thiện chất lượng cuộc sống và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới bền vững.

3.4.5. *Tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi từ kinh nghiệm quốc tế*

Việc học hỏi từ kinh nghiệm của các quốc gia khác, đặc biệt là những nước đã có tiến bộ trong việc lồng ghép giới vào chính sách an sinh xã hội, là điều cần thiết để Việt Nam nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

- *Tham gia các dự án hợp tác quốc tế*, Việt Nam tiếp tục tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như UN Women, UNICEF và World Bank để tiếp cận các kinh nghiệm quốc tế về bình đẳng giới và quản lý an sinh xã hội.

- *Thử nghiệm các mô hình*, thí điểm tại một số địa phương nhằm đánh giá tính khả thi của các biện pháp mới, như hỗ trợ tài chính cho nữ chủ hộ hoặc các chương trình bảo hiểm xã hội chuyên biệt cho phụ nữ lao động phi chính thức.

Sự hợp tác quốc tế không chỉ cung cấp nguồn lực tài chính mà còn giúp Việt Nam có thể vận dụng các kinh nghiệm tốt nhất, tạo cơ sở cho các giải pháp toàn diện và hiệu quả hơn trong lồng ghép giới vào các chính sách an sinh xã hội.

3.4.6. *Tạo cơ hội và chính sách đặc thù cho nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương*

Phụ nữ thuộc nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ lao động phi chính thức, phụ nữ khuyết tật) cần được quan tâm đặc biệt trong các chính sách an sinh xã hội để giảm thiểu sự bất bình đẳng.

- *Chính sách bảo trợ xã hội đặc thù* là những chương trình an sinh xã hội có thể ưu tiên cho các nhóm dễ bị tổn thương (ví dụ như chính sách giảm phí bảo hiểm xã hội, hỗ trợ y tế miễn phí, hay trợ cấp giáo dục cho con em họ).

- *Hỗ trợ tiếp cận thị trường lao động* thông qua chính sách đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho phụ nữ dễ bị tổn thương cần được đẩy mạnh, đồng thời cung cấp các khóa học ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh và khởi nghiệp.

Những chính sách đặc thù này giúp phụ nữ thuộc nhóm yếu thế nâng cao năng lực, cải thiện kinh tế gia đình và giảm phụ thuộc kinh tế vào nam giới, từ đó góp phần tạo ra một xã hội bình đẳng hơn.

Các giải pháp trên không chỉ giúp tăng cường hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và công bằng trong xã hội. Sự tham gia của nhiều thành phần xã hội và sự phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương là

những yếu tố quyết định cho sự thành công của các giải pháp này.

4. Kết luận

Những mô hình lý thuyết về bình đẳng giới và an sinh xã hội đã và đang được thực hiện ở các quốc gia cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn để phân tích và thiết kế các chính sách lồng ghép giới một cách khoa học, hiệu quả. Tại Việt Nam, áp dụng các mô hình này có thể giúp cải thiện hệ thống an sinh xã hội, tăng cường quyền lực của phụ nữ và hỗ trợ các nhóm yếu thế trong việc tiếp cận các dịch vụ công bằng và toàn diện.

Thực trạng lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam đã đạt được những tiến bộ nhất định nhưng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nhằm tăng cường hiệu quả của các chính sách này, cần có sự đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, cũng như các tổ chức xã hội. Ngoài ra, cần đầu tư thêm vào việc đào tạo nhân lực, xây dựng hệ thống giám sát chặt chẽ, và khuyến khích sự tham gia của các nhóm phụ nữ trong quá trình hoạch định chính sách.

Lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội không chỉ là một biện pháp hỗ trợ phụ nữ mà còn là một chiến lược phát triển toàn diện cho xã hội. Nó giúp đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ, thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới, cải thiện chất lượng cuộc sống cho các gia đình và tạo ra tác động tích cực đến sự phát triển bền vững. Những tác động này không chỉ dừng lại ở thể hệ hiện tại mà còn ảnh hưởng tích cực đến thế hệ sau, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và phát triển hơn.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Lao động, thương binh và xã hội (2022). *Báo cáo về lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội*. Hà Nội.
- Chant, S. (2003). The “Engendering” of Poverty Analysis in Developing Regions: Progress Since the United Nations Decade for Women, and Priorities for the Future. *Gender Institute Working Paper*, 11, 1-35.
- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đỗ Thị Hồng (2019). Phân tích tác động của chính sách an sinh xã hội đối với bình đẳng giới tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Phát triển*, 16(2), 23-30.
- Kabeer, N. (1999). Resources, Agency, Achievements: Reflections on the Measurement of Women’s Empowerment. *Development and Change*, 30(3), 435-464.
- Moser, C. O. N. (1993). *Gender planning and development: Theory, practice, and training*. Routledge.
- Nguyễn Văn Đáng (2021). Thực trạng hệ thống an sinh xã hội tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*.
- Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Thu Hương (2020). Chính sách an sinh xã hội và bình

- đăng giới tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Phát triển*, 28(3), 45-52.
- Phạm Thị Hoa (2020). Bình đẳng giới trong chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 28(4), 45-53.
- Nguyễn Thị Phụng (2022). Phân tích giới trong chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam. *Tạp chí Lao động & Xã hội*.
- Sørensen, A. (2000). Gender Equality in the Labour Market: The Role of Policy Measures. *Nordic Journal of Women's Studies*, 8(1), 38-50.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024). *Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp năm 2024*. Truy cập từ <https://molisa.gov.vn/baiviet/242340>
- Quốc hội Việt Nam (2024). *Báo cáo đánh giá chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2020-2024*. Truy cập từ <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=82363>
- Sở Lao động, thương binh và Xã hội TP.HCM (2023). *Báo cáo tổng kết công tác an sinh xã hội*.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam (2021). *Niên giám thống kê 2021*. Hà Nội: Tổng cục Thống kê. https://www.gso.gov.vn/default_en.aspx?tabid=621.
- UNICEF Việt Nam (2024). *Báo cáo đánh giá chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam*. Ấn phẩm của UNICEF.
- United Nations Development Programme (UNDP) (2021). *Gender Equality and Social Inclusion in Social Protection*. UNDP Vietnam.
- United Nations (2019). *The 2030 Agenda for Sustainable Development*. Truy xuất từ <https://www.un.org/sustainabledevelopment/development-agenda/>, trích đọc ngày 12/11/2024.
- UN Women (2021). *Progress on the Sustainable Development Goals: The Gender Snapshot 2021*. Truy xuất từ <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2021/09/progress-on-the-sustainable-development-goals-the-gender-snapshot-2021>, trích đọc ngày 10/11/2024.
- UN Women (2020). *Policy Brief: Gender-responsive social protection for COVID-19 recovery and resilience*.
- World Bank (2012). *World Development Report 2012: Gender Equality and Development*. World Bank Publications.

